

ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG NHO GIÁO TỚI SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG*

Tóm tắt: Trong xã hội Việt Nam hiện nay, các quan niệm gia trưởng trong hệ tư tưởng Nho giáo về vai trò, vị trí, năng lực, khả năng, phẩm chất, tính cách của phụ nữ và nam giới... vẫn còn tồn tại khá phổ biến. Các quan niệm mang tính định kiến giới này đã trở thành bức tường vô hình ngăn cản sự tiến bộ và phát triển của phụ nữ, cản trở phụ nữ tham gia vào các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng và đời sống chính trị của đất nước. Lịch sử Việt Nam và lịch sử trên thế giới đã chứng minh, phụ nữ hoàn toàn có năng lực và có thể làm tốt vai trò, vị trí, trách nhiệm của mình khi được giao các trọng trách trong hệ thống chính trị của mỗi quốc gia. Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam cũng đã chứng minh được vai trò và những đóng góp to lớn của mình trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, sự tồn tại dai dẳng của các quan niệm mang tính định kiến giới trong tư tưởng Nho giáo trong xã hội Việt Nam đã trở thành một trong những rào cản ngăn trở sự phát triển và tiến bộ của phụ nữ.

Từ khóa: Tư tưởng Nho giáo, tham gia chính trị, phụ nữ

Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, khoảng năm 179 trước Công nguyên. Mặc dù, ở mỗi một thời kỳ lịch sử, Nho giáo có vị trí và vai trò khác nhau trong đời sống xã hội, nhưng nhìn chung các giá trị, các tư tưởng cốt lõi của Nho giáo vẫn còn tồn tại trong xã hội Việt Nam cho đến tận ngày nay.

Trong quan niệm của hệ tư tưởng đạo đức Nho giáo, địa vị của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội luôn bị hạn chế. Phụ nữ luôn bị coi là những người phụ thuộc vào nam giới, cho dù nhiều khi họ là người lao động chính trong gia đình, đảm bảo đời sống kinh tế, vật chất của cả gia đình, nhưng họ thường không có quyền quyết định các công việc lớn. Các công việc chăm sóc gia đình, chồng con, đảm bảo cuộc sống ổn định cho gia đình được xem như là thiên chức của phụ nữ. Ở chế độ phong kiến, phụ nữ rất ít khi được tham gia vào các hoạt động cộng đồng, một số phụ nữ có ý chí và tài năng đã phải giả trai để tự tạo ra cơ hội được đóng góp năng lực của mình cho đất nước.

Kể từ năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, sự nghiệp giải phóng phụ nữ bắt đầu được quan tâm ở Việt Nam, phụ nữ có cơ hội được tham gia vào các hoạt động cộng đồng và đời sống chính trị của đất nước. Kể từ đó đến nay, trong các cơ quan của Đảng,

* TS. Trường Đại học Nội vụ tại TP. Hồ Chí Minh

trong Quốc hội, các cơ quan dân cử địa phương, các cơ quan Chính phủ Trung ương và địa phương, trong hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước đều có sự góp mặt của phụ nữ. Tuy nhiên, trên thực tế, địa vị chính trị của phụ nữ vẫn chưa tương xứng với những đóng góp, cống hiến của họ cho xã hội và chưa phát huy được hết năng lực, tiềm năng to lớn của lực lượng lao động nữ. Tỷ lệ phụ nữ tham gia các cấp ủy Đảng, các cơ quan dân cử ở Trung ương và địa phương, các cơ quan quản lý Nhà nước ở các cấp đều thấp. Tỷ lệ nữ giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan này cũng rất thấp. Điều này đã làm hạn chế tiếng nói đại diện của phụ nữ trong các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Trung ương và địa phương. Đồng thời, điều này cũng làm cho tính bền vững và hài hòa của sự phát triển xã hội bị suy giảm.

Các nghiên cứu trước đây về vấn đề tham gia chính trị của phụ nữ đã chỉ ra nhiều nhân tố tác động đến sự tham gia chính trị của phụ nữ, trong đó sự tồn tại của tư tưởng Nho giáo trong xã hội được coi là một trong những nhân tố tương đối quan trọng.

1. Quan niệm của Nho giáo về vai trò, vị trí của phụ nữ và nam giới

Vào những năm đầu của thế kỷ XX, trên thế giới đã từng tồn tại phong trào phê phán Nho giáo như là một học thuyết nam quyền, đàn áp nữ quyền, “trọng nam khinh nữ”. Điều này cho thấy mức độ mạnh mẽ và sâu sắc của định kiến giới trong học thuyết của Nho giáo. Trong học thuyết của Nho giáo, quan điểm nổi bật về vai trò, vị trí của phụ nữ và nam giới đó là “tam tòng”.

Thực ra, khởi nguồn của thuyết tam tòng không phải từ Nho giáo, mà trong Nghi lễ, Tang phục, Tử Hạ truyện có ghi: Người đàn bà có cái nghĩa phải theo ba điều, mà không có cái lễ (đạo) làm theo ý mình, cho nên, khi chưa lấy chồng thì theo cha, khi đã lấy chồng thì theo chồng, khi chồng chết thì theo con. Sau này, các nhà Nho vận dụng thuyết tam tòng vào việc giáo hóa người phụ nữ. Theo Nho giáo, phụ nữ có ba điều phải tuân theo, không có quyền tự định đoạt theo ý mình: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử. Nghĩa là: Người con gái khi còn ở nhà phải nghe theo cha, lúc lấy chồng phải nghe theo chồng, nếu chồng qua đời phải theo con trai.

Thuyết “tam tòng” đã tạo ra những hệ quả tâm lý tiêu cực đối với cả nam giới và phụ nữ, hình thành nên các định kiến giới về vai trò, vị trí của phụ nữ và nam giới trong cả gia đình và ngoài xã hội, cản trở sự phát triển của phụ nữ và tạo nên những áp lực đối với nam giới khi phải gánh vác vai trò trụ cột. Điều này đã gây ra tâm lý coi thường, áp bức phụ nữ ở nam giới. Cả trong gia đình và ngoài xã hội, nam giới luôn mong muốn phụ nữ phải lệ thuộc vào mình, phải chịu sự áp đặt, chi phối, điều hành, chỉ huy của mình. Trong gia đình, nam giới khó chấp nhận người vợ có địa vị xã hội hơn mình, thành đạt trong sự nghiệp hơn mình. Trong xã hội vẫn tồn tại quan niệm cho rằng, “chồng chúa, vợ tôi”,

người chồng phải là người có uy lực, là trụ cột trong gia đình, hay quan niệm “phu xướng, phụ tùy”, người chồng phải là người đưa ra mọi chủ trương, quyết sách, có tiếng nói, có vai trò quyết định, người vợ chỉ có việc nghe theo và phải phục tùng người chồng, thực thi theo mọi quyết định của người chồng.

Ở Việt Nam hiện nay, các định kiến giới, quan niệm “nam nội, nữ ngoại” vẫn tồn tại trong gia đình và có ảnh hưởng lớn đến sự tham gia chính trị của phụ nữ⁽¹⁾. Thậm chí trong xã hội còn tồn tại quan niệm: phụ nữ nên kém thành đạt trong xã hội hơn chồng thì mới giữ được hạnh phúc gia đình. Vì vậy, khi buộc phải lựa chọn giữa công việc, gia đình và công việc xã hội thì người phụ nữ thường lựa chọn gia đình⁽²⁾.

Trong xã hội hiện đại, những quan niệm mang nặng định kiến giới của Nho giáo trước đây về vai trò của phụ nữ trong gia đình đã được gắn với mỹ từ “thiên chức của người phụ nữ”. Toàn bộ gánh nặng công việc gia đình được quan niệm mặc nhiên là công việc của phụ nữ, và những công việc này cũng bị coi là công việc vặt, công việc không tên, không tạo ra thu nhập. Phụ nữ phải là người chịu trách nhiệm chính các công việc nội trợ như cơm nước, giặt giũ, quét dọn nhà cửa, chăm sóc con cái và nhiều việc khác trong gia đình, trong khi nam giới không làm nội trợ hoặc cùng lắm chỉ phụ giúp⁽³⁾. Quan niệm này cho thấy sự nhầm lẫn trong quan niệm của xã hội khi nhìn nhận những vai trò được xác lập cho phụ nữ dựa trên đặc điểm về sinh học và những định kiến giới. Trong một nghiên cứu trước đây của UNDP cũng chỉ ra: có 91,3% phụ nữ cho rằng nghĩa vụ gia đình là cản trở lớn nhất đối với việc phát triển sự nghiệp của chính mình⁽⁴⁾. Trong một nghiên cứu khác cũng cho rằng nữ công chức đang phải làm gấp đôi công việc so với nam giới để đảm trách cả công việc sản xuất lẫn công việc tái sản xuất⁽⁵⁾.

Tư tưởng của Nho giáo về vai trò trụ cột của nam giới dẫn đến hệ quả là ở ngoài xã hội nam giới không sẵn sàng tâm lý để chấp nhận trở thành cấp dưới của phụ nữ. Đối với nam giới, việc phải chấp hành sự điều hành, sự phân công công việc của phụ nữ là một điều không mong muốn, chính vì vậy, nam giới thường có xu hướng ủng hộ nam giới làm lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị của mình nhiều hơn. Mô hình “nam trưởng, nữ phó” là một mô hình khá phổ biến trong các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay. Tính “sĩ diện” ở người đàn ông trở thành những phản ứng mạnh đối với việc phụ nữ làm quản lý, lãnh đạo⁽⁶⁾. Trên thực tế, tính “sĩ diện” của nam giới được xem xét, phân tích ở cả hai khía cạnh, hai phạm vi: trong gia đình nam giới không muốn bị thua kém địa vị xã hội so với người vợ; trong cơ quan, nam giới không muốn trở thành cấp dưới của phụ nữ.

Không chỉ ảnh hưởng tới nam giới, các định kiến giới về vai trò, vị trí của phụ nữ và nam giới cũng vẫn đang có tác động mạnh mẽ tới một bộ phận phụ nữ. Chính các định

kiến giới này đã tạo tâm lý tự ti, thụ động, phụ thuộc vào nam giới của bản thân người phụ nữ. Từ tư tưởng trọng nam khinh nữ, đề cao tuyệt đối vai trò của người đàn ông, người chồng trong gia đình mà đôi khi người phụ nữ tự cho rằng mình phải phụ thuộc vào chồng, chấp nhận lép vế so với chồng, chấp nhận lùi về phía sau người chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình.

2. Quan niệm của Nho giáo về năng lực, khả năng của phụ nữ và nam giới

Khổng Tử và các học trò của ông đã cho rằng: “phụ nhân nan hoá”; “đàn bà và tiểu nhân là hai hạng người khó dạy”; “đàn bà khó giáo dục vì gần họ thì họ nhờn, xa họ thì họ giận”. Tư tưởng này đã xúc phạm phụ nữ và kìm hãm người phụ nữ trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, ở Việt Nam các quan niệm mang tính định kiến giới về năng lực, khả năng của phụ nữ và nam giới còn tồn tại khá phổ biến, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị. Quan niệm cho rằng: năng lực làm lãnh đạo, quản lý của phụ nữ bị hạn chế so với nam giới; nam giới có đầy đủ các phẩm chất, năng lực cần thiết để có thể trở thành một người lãnh đạo, quản lý tốt do họ nhanh nhẹn, thông minh, tháo vát, có tầm nhìn chiến lược, quyết đoán hơn phụ nữ còn khá phổ biến trong xã hội. Phụ nữ thường bị đánh giá thấp về năng lực, tính quyết đoán và do vậy thường bị gạt ra khỏi vị trí lãnh đạo⁽⁷⁾. Phụ nữ cũng thường bị đánh giá là những người thiên cận, “nông nổi giềng khơi”, không có tầm nhìn xa trông rộng, hay đổ kỵ, vụn vặt... Các định kiến này đã tạo ra tâm lý không tin tưởng phụ nữ, ngại giao việc cho phụ nữ; trong đánh giá hoặc bổ nhiệm cán bộ thường thiếu công tâm, thiếu khách quan; không ủng hộ cán bộ nữ.

Đi sâu phân tích sự tồn tại của các định kiến giới tại nơi làm việc, trong gia đình và cộng đồng ảnh hưởng đến sự tham gia chính trị của phụ nữ đã có tác giả cho rằng: định kiến giới thể hiện ở khía cạnh, định kiến về năng lực của nam giới cao hơn so với phụ nữ, xã hội có các kỳ vọng khác nhau về tiêu chuẩn của nam giới và phụ nữ⁽⁸⁾.

Các định kiến giới về năng lực của phụ nữ khi tham gia chính trị không chỉ tồn tại trong chính các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, mà còn tồn tại phổ biến ngay cả trong cộng đồng, một số nghiên cứu chỉ ra rằng: Nhiều cử tri chưa thật sự tin tưởng vào khả năng của phụ nữ và những điều này đã trở thành những rào cản đối với phụ nữ khi tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân⁽⁹⁾, hay định kiến giới của chính các thành viên Tổ bầu cử (mà hầu hết là nam giới) có thể có tác động đến sự lựa chọn của cử tri trong nhiều trường hợp⁽¹⁰⁾.

Thực tiễn của thế giới và Việt Nam cho thấy, đã có rất nhiều phụ nữ tham gia hoạt động chính trị và trở nên rất nổi tiếng về sự thành công của mình. Trên thế giới có thể kể đến như:

Benazir Bhutto, cố thủ tướng Pakistan, người đã đấu tranh không ngừng vì hòa bình và ổn định của đất nước Pakistan, đấu tranh cho quyền bình đẳng của phụ nữ và chăm sóc trẻ em trên thế giới.

Nữ tổng thống Sri Lanka, bà Chandrika Kumaratunga, đã lãnh đạo đất nước thoát khỏi cảnh máu lửa do sự khủng bố của tổ chức Những Con hổ Giải phóng Tamil. Bà có công trong việc đánh bại quân phiến loạn để thiết lập một nhà nước thống nhất.

Tansu Ciller, thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ có công rất lớn trong việc làm thay đổi bộ mặt kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ.

Gro Harlem Brundtland, thủ tướng Na Uy, bà có công rất nhiều trong việc đưa đất nước phát triển kịp với các nước trong khu vực.

Violeta Chamorro, tổng thống Nicaragua, đóng vai trò quan trọng trong khôi phục và phát triển kinh tế của đất nước. Bà là người đi đầu trong cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc và vì sự bình đẳng đối với phụ nữ.

Mary Charles, thủ tướng Dominica, đã góp một tiếng nói rất quan trọng trên chính trường ở Mỹ Latinh, tất cả mọi việc làm của bà đều đem lại quyền lợi cho đất nước và dân tộc của bà.

Hillary Clinton đã góp một tiếng nói quan trọng của mình trên chính trường nước Mỹ và thế giới.

Park Geun Hye là nữ Tổng thống đầu tiên của Hàn Quốc. Bà cũng là người phụ nữ đầu tiên giữ cương vị này trong lịch sử hiện đại của Đông Bắc Á. Bà được coi là một trong những chính trị gia có ảnh hưởng nhất, nhân vật quyền lực nhất trong lịch sử Hàn Quốc.

Angela Merkel từng là một nhà khoa học và là một chính trị gia nổi tiếng của Đức. Bà giữ chức Thủ tướng Đức từ năm 2005 và là lãnh đạo của Đảng Liên minh Dân chủ Cơ đốc giáo (CDU) từ năm 2000. Bà được coi là xương sống của Liên minh châu Âu.

Sonia Gandhi là chủ tịch của Đảng Quốc Đại Ấn Độ và là góa phụ của cố Thủ tướng Ấn Độ Rajiv Gandhi. Bà là nữ chính khách Ấn Độ sinh trưởng tại Italy. Năm 2013, tạp chí Forbes liệt kê bà vào danh sách những người quyền lực nhất thế kỷ XXI và là người phụ nữ quyền lực thứ 9 trên thế giới.

Tại Việt Nam, kể từ khi dựng nước đến nay, lịch sử đã ghi lại rất nhiều tấm gương phụ nữ tham gia lãnh đạo ba quân, điều hành đất nước như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Bùi Thị Xuân, Bà Ba Cai Vàng, Bà Đinh phu nhân. Trong lịch sử hiện đại có thể kể đến, bà Nguyễn Thị Minh Khai, bà Nguyễn Thị Định, bà Nguyễn Thị Bình, bà Tôn Nữ Thị Ninh, bà Trương Mỹ Hoa, bà Nguyễn Thị Kim Ngân, bà Đặng Thị Ngọc Thịnh...

Mặc dù trên chính trường quốc tế và cả ở Việt Nam, phụ nữ đã khẳng định khả năng tham gia chính trị của mình thông qua những đóng góp thực tế, tuy nhiên, các định kiến giới vẫn còn tồn tại. Quan niệm đánh giá thấp năng lực, khả năng của phụ nữ nói chung và trong lĩnh vực chính trị nói riêng vẫn ăn sâu trong suy nghĩ, nhận thức của một bộ phận trong xã hội⁽¹⁾. Điều này đã làm cản trở sự tham gia chính trị của phụ nữ, cản trở phụ nữ có cơ hội đưa tiếng nói đại diện của giới mình vào trong các diễn đàn xây dựng chính sách và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

3. Quan niệm của Nho giáo về phẩm chất, tính cách của phụ nữ và nam giới

Định kiến giới về phẩm chất, tính cách của phụ nữ và nam giới và ảnh hưởng của nó tới sự tham gia chính trị của phụ nữ cũng khá dễ dàng để nhận thấy trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Về phẩm chất, theo quan niệm truyền thống, phụ nữ phải giữ được tứ đức, bao gồm: “công, dung, ngôn, hạnh”.

Cùng với sự thay đổi của thời gian và các điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị, các quan niệm truyền thống về nội hàm của tứ đức “công dung, ngôn, hạnh” của người phụ nữ cũng có những biến đổi cho phù hợp hơn với xu hướng thời đại. Tuy nhiên, các giá trị cốt lõi của quan niệm này vẫn được gìn giữ và duy trì nhằm hướng đến xây dựng một hình mẫu phụ nữ nhu mì, biết an phận thủ thường, không có ý chí tiến thủ, vươn lên, sẵn sàng hi sinh quyền và lợi ích cá nhân để chăm lo, vun vén cho chồng con. Những đức tính này trở thành thước đo, thành tiêu chuẩn để xã hội đánh giá, nhìn nhận giá trị của người phụ nữ.

Trong thực tế vẫn còn nhiều người quan niệm rằng phụ nữ không nên tham gia vào công tác lãnh đạo vì như vậy sẽ mất đi tính nữ, một đặc điểm không thể thiếu của phái đẹp⁽²⁾. Đối với phụ nữ, những phẩm chất này đôi khi trở thành bức tường vô hình ngăn cản mọi mong muốn, nhu cầu tham gia hoạt động ngoài xã hội của họ.

Các định kiến giới này không chỉ dành cho phụ nữ mà còn có cả những định kiến dành cho nam giới. Theo quan niệm truyền thống, nam giới phải mạnh mẽ, phải là người có khả năng “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, “làm trai đứng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông”, nam giới phải có sự nghiệp. Nam giới phải là người có “trí” và “dũng”.

Các quan niệm này cũng đã có sự thay đổi theo thời gian, nhưng nhìn chung, trong xã hội ngày nay nhiều người vẫn rất coi trọng công danh, sự nghiệp của nam giới, vẫn coi sự thành đạt ngoài xã hội như một thước đo giá trị của nam giới. Điều này cũng tạo nên những áp lực nhất định đối với nam giới, bắt buộc nam giới phải không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên.

Kết luận

Với sự tồn tại của gần 2000 năm lịch sử, các tư tưởng “trọng nam, khinh nữ”, đánh giá thấp vai trò và khả năng của phụ nữ, coi phụ nữ là người phụ thuộc trong xã hội còn khá phổ biến, ăn sâu bén rễ trong quan niệm của đa số người dân Việt Nam và không phải ngày một, ngày hai có thể dễ dàng xóa bỏ. Những quan niệm này đã cản trở sự phát triển, tiến bộ của phụ nữ, hạn chế khả năng đóng góp của phụ nữ cho sự phát triển, tiến bộ của xã hội và đất nước. Để phụ nữ thực sự bình đẳng với nam giới, phát huy được các tiềm năng to lớn của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đòi hỏi phải tiếp tục kiên trì thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả hơn nữa, trong đó việc từng bước thay đổi, tiến tới xóa bỏ các định kiến giới đã ăn sâu, bén rễ trong xã hội, trong mỗi cá nhân là việc làm cần thiết.



TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- (1) Trần Thị Vân Anh, 2010, *Những trở ngại đối với sự phấn đấu của nữ lãnh đạo*, tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 2, tr.12-25
- (2) Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh, 2010, *Phụ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam: một số yếu tố tác động và các giải pháp*, tạp chí Xã hội học, số 4, tr. 3-13
- (3) Vũ Mạnh Lợi, 2007, *Bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình*, Tài liệu tham khảo do Ban Gia đình Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xuất bản với sự tài trợ của UNFPA và SDC, Hà Nội.
- (4) UNDP, 2012, *Nữ đại biểu Quốc hội ở Việt Nam hướng tới tương lai*, www.vn.undp.org/
- (5) Nguyễn Thu Linh, 2005, *Khác biệt giới trên con đường chức nghiệp của công chức các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- (6) Võ Thị Mai, 2003, *Vai trò của nữ cán bộ quản lý nhà nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- (7) Vương Thị Hanh, 2007, *Phụ nữ Việt Nam và việc tham gia chính trị*, tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 3.
- (8) Trần Thị Vân Anh, 2010, t.lđđ.
- (9) Lê Thị Quý, Từ Thúy Quỳnh, Nguyễn Tuyết Nga, 2006, *Phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân*, Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3, tr.43-49.
- (10) Phạm Thu Hiền, 2011, *Những rào cản đối với phụ nữ khi tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân*, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 3, tr3-13.
- (11) Vũ Mạnh Lợi, 2007, t.lđđ.
- (12) Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh, 2010, t.lđđ.